

## MUA

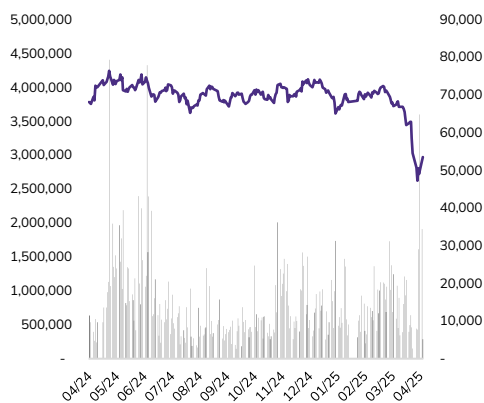
Kiều Thị Thanh Thư

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)

## THÔNG TIN CƠ BẢN

|                              |                 |
|------------------------------|-----------------|
| Ngành                        | : Thủy sản      |
| Ngày báo cáo                 | : 24/04/2025    |
| <b>Giá hiện tại (VND/CP)</b> | <b>: 48.150</b> |
| Giá mục tiêu (VND/CP)        | : 61.900        |
| Tỷ lệ tăng (%)               | : 28,6%         |
| Vốn hóa (Tỷ VND)             | : 10.807        |
| SLCPDLH (CP)                 | : 224.453.159   |

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu             | 2023A  | 2024A  |
|----------------------|--------|--------|
| Tăng trưởng DTT (%)  | -24,2% | 24,7%  |
| Tăng trưởng LNST (%) | -53,5% | 33,4%  |
| Biên LNG (%)         | 14,9%  | 15,1%  |
| Biên LNST (%)        | 9,2%   | 9,8%   |
| ROA (%)              | 7,8%   | 10,1%  |
| ROE (%)              | 11,6%  | 14,4%  |
| Nợ vay/VCSH (lần)    | 0,26   | 0,25   |
| EPS (VND/CP)         | 4.914  | 5.463  |
| BVPS (VND/CP)        | 44.629 | 38.651 |

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Thận trọng với thuế đối ứng Mỹ

Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025

- **KQKD 2024 tăng trưởng vượt trội.**
  - ✓ Doanh thu thuần 2024 đạt 12.513 tỷ đồng (+24,7% svck). Mức doanh thu này chỉ thấp hơn một chút so với mức kỷ lục năm 2022 của doanh nghiệp.
  - Doanh thu thị trường xuất khẩu vẫn đóng góp tỷ trọng chính (72,6%) trong tổng doanh thu năm 2024. Trong đó, Mỹ, EU và Trung Quốc là ba thị trường xuất khẩu chính với tỷ trọng lần lượt 43,8%, 23,5% và 13,9% tổng doanh thu xuất khẩu.
  - Doanh thu thị trường nội địa đang tăng dần đóng góp đối với VHC. Năm 2024, doanh thu nội địa đạt 3.425 tỷ đồng và tỷ trọng doanh thu nội địa đạt 27,4%; đây là các con số lớn nhất từ trước đến nay.
- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính tăng 12,3% svck, đạt 423,3 tỷ đồng chủ yếu do sự gia tăng của lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. Chi phí tài chính giảm nhẹ 5,2% svck, đạt 216,8 tỷ đồng; trong đó chi phí lãi vay giảm mạnh 45% svck, đạt 73,3 tỷ đồng.
- ✓ LNST cổ đông công ty mẹ đạt 1.226 tỷ đồng (+33,4% svck). Năm 2024 Vĩnh Hoàn đặt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận theo hai kịch bản: (i) kịch bản cơ bản và kịch bản cao. Với kết quả đạt được, Vĩnh Hoàn đã vượt 8,8% kế hoạch doanh thu và 22,6% kế hoạch lợi nhuận theo kịch bản cao.
- **Tình hình tài chính lành mạnh:**
  - ✓ Lượng tiền rất dồi dào. Tiền và tương đương tiền đạt 2.791 tỷ đồng, tăng 29,3% so với đầu năm, chiếm 22,8% TTS.
  - ✓ Các khoản phải thu ngắn hạn tăng, hàng tồn kho giảm. Tại thời điểm cuối năm 2024, giá trị các khoản phải thu ngắn hạn ghi nhận 2.201 tỷ đồng (+39,5% so với đầu năm), chiếm 18% TTS, trích lập dự phòng 7 tỷ đồng. Giá trị hàng tồn kho ở mức 3.159 tỷ đồng (-24,5% svck), chiếm 25,8% TTS, trích lập dự phòng 244,4 tỷ đồng.
  - ✓ Nợ vay tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức thấp. Tổng nợ vay cuối năm 2024 ghi nhận 2.277 tỷ đồng (+0,8% so với đầu năm), toàn bộ là nợ vay ngắn hạn. Tỷ lệ D/E ở mức 0,25 lần.

## KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA VHC Q4/2024 & NĂM 2024

| BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)         | 4Q23      | 4Q24       | %YoY          | 2023       | 2024         | %YoY         |
|--|-----------|------------|---------------|------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần                          | 2.396     | 3.206      | 33,8%         | 10.033     | 12.513       | 24,7%        |
| Lợi nhuận gộp                            | 195       | 578        | 195,8%        | 1.493      | 1.895        | 26,9%        |
| <i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>            | 8,2%      | 18,0%      |               | 14,9%      | 15,1%        |              |
| Chi phí BH & QLDN                        | -148      | -202       | 36,1%         | -524       | -654         | 24,9%        |
| <i>Tỷ lệ Chi phí BH &amp; QLDN/DTT</i>   | 6,2%      | 6,3%       |               | 5,2%       | 5,2%         |              |
| Doanh thu tài chính                      | 74        | 148        | 100,3%        | 377        | 423          | 12,3%        |
| Chi phí tài chính                        | -37       | -50        | 34,3%         | -229       | -217         | -5,2%        |
| <i>Chi phí lãi vay</i>                   | -19       | -17        | -9,6%         | -133       | -73          | -45,0%       |
| Lợi nhuận từ HĐKD                        | 84        | 474        | 465,3%        | 1.118      | 1.450        | 29,6%        |
| Lợi nhuận trước thuế                     | 99        | 481        | 387,6%        | 1.145      | 1.485        | 29,7%        |
| <b>LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số</b> | <b>48</b> | <b>425</b> | <b>792,8%</b> | <b>919</b> | <b>1.226</b> | <b>33,4%</b> |
| <i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>           | 2,0%      | 13,3%      |               | 9,2%       | 9,8%         |              |

Nguồn: FiinPro, ABS Research

### • Kế hoạch năm 2025:

- ✓ Công ty đã điều chỉnh kế hoạch KQKD năm 2025 phản ánh tác động của thuế đối ứng Mỹ. Ban đầu công ty đặt mục tiêu doanh thu 13.800 tỷ đồng (+9,7% svck) và LNST công ty mẹ 1.500 tỷ đồng (+22,3% svck). Hiện nay mục tiêu của VHC cho năm 2025 được chia làm 2 kịch bản với mục tiêu giảm so với ban đầu.
  - Theo kịch bản cơ bản, mục tiêu doanh thu thuần 10.900 tỷ đồng (-12,9% svck), LNST cổ đông công ty mẹ 1.000 tỷ đồng (-18% svck). Lợi nhuận theo kịch bản này giảm 33,3% so với kế hoạch ban đầu.
  - Theo kịch bản cao, mục tiêu doanh thu thuần 12.350 tỷ đồng (-1,3% svck), LNST cổ đông công ty mẹ 1.300 tỷ đồng (+6% svck). Lợi nhuận theo kịch bản này giảm 13,3% so với kế hoạch ban đầu.
- ✓ Phương án chia cổ tức năm 2024: 20% bằng tiền (tương ứng 2.000 đồng/cp). Đã tạm ứng chi trả toàn bộ vào tháng 12/2024.
- ✓ Phương án chia cổ tức năm 2025: bằng tiền tỷ lệ 20% (tương ứng 2.000 đồng/cổ phần).
- ✓ Ngoài cá tra, hiện nay Vĩnh Hoàn đang đầu tư cho cá rô phi để tận dụng cơ hội kinh doanh khi hàng hóa này lâu nay Trung Quốc có thể mạnh, nhưng hiện đang phải chịu mức thuế cao tại Mỹ.
- ✓ Kế hoạch đầu tư năm 2025, tổng cộng 830 tỷ đồng:
  - Đầu tư mở rộng nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất Collagen và cải tạo nhà máy tại Công ty Vĩnh Hoàn Collagen;
  - Đầu tư dự án trồng trọt, đầu tư bổ sung máy móc thiết bị cho giai đoạn 1 nhà máy chế biến trái cây Thành Ngọc;
  - Đầu tư kho mới nhà máy thức ăn thủy sản Feedone;
  - Đầu tư mở rộng kho và nâng cấp tăng công suất sản xuất của nhà máy Sa Giang;
  - Các khoản đầu tư cho mở rộng vùng nuôi;
  - Các khoản đầu tư mới và cải tạo nhà máy Vĩnh Phước, Thanh Bình, Vĩnh Hoàn.

### • Đánh giá tác động của thuế quan đến KQKD trong thời gian tới:

- ✓ Ban đầu ngay khi có thông tin về thuế đối ứng Mỹ áp lên hàng xuất khẩu từ Việt Nam lên đến 46%, lãnh đạo công ty đã ước tính lợi nhuận 2025 sẽ suy giảm từ 15-30% tùy theo phản ứng của thị trường.
- ✓ Lãnh đạo công ty Vĩnh Hoàn hiện không quá bi quan về thị trường xuất khẩu sang Mỹ khi các khách hàng Mỹ vẫn có sức tiêu thụ tốt, ảnh hưởng sẽ phụ thuộc vào khả năng chấp nhận của người tiêu dùng với việc giá bán sản phẩm bị tăng cao.

- ✓ Vĩnh Hoàn vẫn có lợi thế riêng khi là doanh nghiệp duy nhất đủ điều kiện được gỡ bỏ thuế chống bán phá giá theo quy định của Mỹ.
- ✓ KQKD Q1/2025 chưa được công bố cụ thể tuy nhiên sơ bộ lợi nhuận tăng trưởng so với cùng kỳ.
- ✓ Đơn hàng trong quý 2 cũng khả quan khi doanh nghiệp tranh thủ xuất hàng đi Mỹ trong thời gian 90 ngày.
- ✓ Các thị trường ngoài Mỹ chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào.
- ✓ Thuế quan là do nhà nhập khẩu chịu.

#### KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025 CỦA VHC

| Chỉ tiêu                    | TH 2024 | KH 2025      |       |                 |        |
|-----------------------------|---------|--------------|-------|-----------------|--------|
|                             |         | Kịch bản cao | %YOY  | Kịch bản cơ bản | %YOY   |
| Doanh thu thuần hợp nhất    | 12.513  | 12.350       | -1,3% | 10.900          | -12,9% |
| LNST của cổ đông công ty mẹ | 1.226   | 1.300        | 6%    | 1.000           | -18,4% |

Nguồn: VHC, ABS Research

#### Đánh giá của ABS Research

- Chúng tôi cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 của VHC sẽ gặp nhiều khó khăn do:
  - ✓ Việt Nam nằm trong những nước bị áp thuế suất cao nhất từ chính phủ Mỹ. Mặc dù chính phủ đang nỗ lực đàm phán, Việt Nam khó có khả năng đáp ứng được hết kỳ vọng và yêu cầu của chính phủ Mỹ, do vậy mức thuế suất kỳ vọng đạt được có thể sẽ vẫn ở mức cao. Trong khi đó, thị trường Mỹ chiếm tới 31,8% tổng doanh thu của Vĩnh Hoàn và là thị trường xuất khẩu lớn nhất từ trước tới nay của doanh nghiệp. Do đó, ảnh hưởng của thuế suất cao tới Vĩnh Hoàn là khá tiêu cực khi doanh nghiệp khó có khả năng cạnh tranh với các nước có thuế suất thấp hơn. Đồng thời, việc thuế quan đẩy giá bán cá lên cao cũng sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu của người tiêu dùng.
  - ✓ Doanh thu thị trường nội địa và các thị trường xuất khẩu khác ngoài Mỹ có khả năng sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt từ thủy sản Trung Quốc khi nước này chịu mức thuế lên đến 145% từ Mỹ. Thủy sản Trung Quốc không còn xuất khẩu được vào Mỹ sẽ tràn sang các thị trường còn lại khiến doanh thu của Vĩnh Hoàn chịu ảnh hưởng tiêu cực.
- Chúng tôi nghiêng về khả năng VHC chỉ có thể hoàn thành kịch bản cơ bản trong năm 2025 do Mỹ là thị trường lớn nhất của Vĩnh Hoàn trong nhiều năm và ảnh hưởng của thuế đối ứng đến doanh nghiệp là không nhỏ. Theo đó, tổng doanh thu năm 2025 là 10.900 tỷ đồng, LNST cổ đông công ty mẹ là 1.000 tỷ đồng. Chúng tôi ước tính EPS của công ty trong năm 2025 là 4.455 đồng/cổ phiếu, P/E 2025F ở mức 10,8x tại mức giá hiện tại. BVPS năm 2025 dự kiến đạt 40.988 đồng/cổ phiếu, P/B 2025F ở mức 1,1x lần tại mức giá hiện tại.
- Chúng tôi điều chỉnh giảm giá mục tiêu của VHC xuống còn 61.900 đồng, tương ứng với tiềm năng tăng giá 28,6% so với giá hiện tại và giữ nguyên khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu này.

PHỤ LỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA VHC

| Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng) | 2021    | 2022     | 2023    | 2024     |
|---------------------------|---------|----------|---------|----------|
| Doanh thu thuần           | 9.054   | 13.231   | 10.033  | 12.513   |
| Giá vốn hàng bán          | (7.298) | (10.255) | (8.540) | (10.618) |
| Lợi nhuận gộp             | 1.756   | 2.976    | 1.493   | 1.895    |
| Doanh thu tài chính       | 195     | 434      | 377     | 423      |
| Chi phí tài chính         | (107)   | (370)    | (229)   | (217)    |
| Chi phí bán hàng          | (344)   | (349)    | (216)   | (297)    |
| Chi phí QLDN              | (213)   | (372)    | (308)   | (358)    |
| Lợi nhuận từ HKKD         | 1.287   | 2.319    | 1.118   | 1.450    |
| Lãi/lỗ khác               | (27)    | (29,8)   | (23,2)  | (31,2)   |
| Lợi nhuận trước thuế      | 1.280   | 2.323    | 1.145   | 1.485    |
| Lợi nhuận sau thuế        | 1.107   | 2.013    | 974     | 1.303    |
| LNST cổ đông Công ty mẹ   | 1.099   | 1.975    | 919     | 1.226    |

| Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)           | 2021  | 2022    | 2023  | 2024  |
|----------------------------------|-------|---------|-------|-------|
| LCT thuần từ HKKD                | 332   | 1.604   | 547   | 2.073 |
| LCT thuần từ Hoạt động đầu tư    | (843) | (1.528) | (793) | (855) |
| LCT thuần từ Hoạt động tài chính | 665   | 284     | (73)  | (880) |
| LCT thuần trong kỳ               | 155   | 360     | (319) | 338   |
| Tiền & tương đương tiền đầu kỳ   | 41    | 195     | 553   | 233   |
| Tiền & tương đương tiền cuối kỳ  | 195   | 553     | 233   | 570   |

| Chỉ số tài chính              | 2021  | 2022  | 2023 | 2024  |
|-------------------------------|-------|-------|------|-------|
| Khả năng thanh toán           |       |       |      |       |
| Khả năng thanh toán hiện hành | 2,07  | 2,07  | 2,44 | 2,59  |
| Khả năng thanh toán nhanh     | 0,90  | 0,83  | 0,62 | 0,92  |
| Khả năng thanh toán tiền mặt  | 0,10  | 0,20  | 0,13 | 0,23  |
| Khả năng thanh toán lãi vay   | 34,56 | 23,21 | 7,27 | 16,92 |
| Cơ cấu vốn                    |       |       |      |       |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản   | 0,67  | 0,66  | 0,72 | 0,74  |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản      | 0,33  | 0,34  | 0,28 | 0,26  |
| Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)   | 0,32  | 0,31  | 0,26 | 0,25  |

| Chỉ số hiệu suất hoạt động          |       |       |        |        |
|-------------------------------------|-------|-------|--------|--------|
| Số ngày phải thu                    | 64,56 | 55,90 | 64,77  | 47,98  |
| Số ngày phải trả                    | 16,65 | 14,01 | 16,16  | 10,08  |
| Số ngày tồn kho                     | 87,40 | 90,65 | 158,11 | 126,23 |
| Khả năng sinh lời                   |       |       |        |        |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp               | 19,4% | 22,5% | 14,9%  | 15,1%  |
| Tỷ suất lợi nhuận HKKD              | 14,2% | 17,5% | 11,1%  | 11,6%  |
| Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ | 12,1% | 14,9% | 9,2%   | 9,8%   |
| ROE                                 | 20,1% | 29,7% | 11,6%  | 14,4%  |
| ROA                                 | 13,8% | 19,4% | 7,8%   | 10,1%  |
| ROIC                                | 14,9% | 22,8% | 8,2%   | 10,2%  |

| Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)       | 2021  | 2022  | 2023  | 2024  |
|--------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 195   | 553   | 233   | 570   |
| + Đầu tư ngắn hạn                    | 1.272 | 1.768 | 2.069 | 2.340 |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn        | 2.132 | 2.330 | 1.578 | 2.201 |
| + Hàng tồn kho                       | 1.793 | 2.818 | 3.763 | 2.915 |
| + Tài sản ngắn hạn khác              | 150   | 172   | 245   | 213   |
| Tài sản ngắn hạn                     | 5.543 | 7.640 | 7.888 | 8.238 |
| + Các khoản phải thu dài hạn         | 2     | 3     | 3     | 2     |
| + Tài sản cố định                    | 2.067 | 2.824 | 3.383 | 3.415 |
| + Bất động sản đầu tư                | 0     | 0     | 0     | 0     |
| + Tài sản dở dang dài hạn            | 561   | 566   | 160   | 109   |
| + Đầu tư dài hạn                     | 66    | 66    | 67    | 69    |
| + Tài sản dài hạn khác               | 499   | 484   | 441   | 400   |
| Tài sản dài hạn                      | 3.195 | 3.943 | 4.054 | 3.996 |

| Tổng Tài sản                        | 8.738 | 11.583 | 11.943 | 12.234 |
|-------------------------------------|-------|--------|--------|--------|
| + Vay ngắn hạn                      | 1.735 | 2.214  | 2.157  | 2.277  |
| + Phải trả người bán                | 340   | 448    | 309    | 278    |
| + Nợ ngắn hạn khác                  | 605   | 1.037  | 767    | 629    |
| Nợ ngắn hạn                         | 2.680 | 3.698  | 3.233  | 3.184  |
| + Vay dài hạn                       | 156   | 175    | 102    | 0      |
| + Các khoản phải trả dài hạn khác   | 17    | 16     | 17     | 57     |
| Nợ dài hạn                          | 174   | 191    | 119    | 57     |
| Tổng nợ phải trả                    | 2.854 | 3.889  | 3.351  | 3.241  |
| + Vốn cổ phần                       | 1.834 | 1.834  | 1.870  | 2.245  |
| + Thặng dư vốn cổ phần              | 224   | 264    | 264    | 264    |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 3.838 | 5.426  | 6.213  | 6.168  |
| + Quỹ khác                          | 0     | 0      | 0      | 0      |
| Vốn chủ sở hữu                      | 5.884 | 7.694  | 8.591  | 8.994  |
| Tổng cộng nguồn vốn                 | 8.738 | 11.583 | 11.943 | 12.234 |

| Tỷ lệ tăng trưởng (%)               | 2021  | 2022  | 2023   | 2024  |
|-------------------------------------|-------|-------|--------|-------|
| Tăng trưởng doanh thu               | 28,7% | 46,1% | -24,2% | 24,7% |
| Tăng trưởng LNTT                    | 59,3% | 81,5% | -50,7% | 29,7% |
| Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ | 52,8% | 79,7% | -53,5% | 33,4% |
| Tăng trưởng EPS                     | 52,8% | 79,7% | -54,4% | 11,2% |
| Tăng trưởng VCSH                    | 0,0%  | 0,0%  | 2,0%   | 20,0% |
| Tăng trưởng Tổng tài sản            | 21,3% | 32,6% | 3,1%   | 2,4%  |

| Định giá (lần) | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   |
|----------------|--------|--------|--------|--------|
| P/E            | 11,51  | 5,94   | 13,92  | 9,59   |
| P/B            | 2,19   | 1,56   | 1,53   | 1,36   |
| EV/EBITDA      | 9,74   | 5,32   | 10,99  | 8,12   |
| EV/Sales       | 1,60   | 1,04   | 1,50   | 1,10   |
| EPS (đồng/cp)  | 5.993  | 10.771 | 4.914  | 5.463  |
| BVPS (đồng/cp) | 31.528 | 41.027 | 44.629 | 38.651 |

Nguồn: FiinPro, ABS Research

# Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

|              |   |
|--------------|---|
| MUA          | Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên                   |
| KHẢ QUAN     | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%   |
| TRUNG LẬP    | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%   |
| KÉM KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5% |
| BÁN          | Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%                    |

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

# Thông tin liên hệ

## Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: [anh.buiminhh@abs.vn](mailto:anh.buiminhh@abs.vn)

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)



*Tư hào*  
**NHẬN CÚ ĐÚP  
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây